TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày 13- 01 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thái Quân và bà Trần Ngọc Anh

Thư ký phiên toà*:* Ông Nguyễn Thái Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 603/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 486/2024/QĐXXST-HN, ngày 27 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 303/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 và Thông báo dời ngày xét xử số 311/TB-TA ngày 24 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lý Thị M, sinh năm 1997, nơi cư trú: tổ A, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (*yêu cầu vắng mặt*).

- *Bị đơn*: Anh Mai Văn D, sinh năm 1988, nơi cư trú: tổ A, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang *(vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Sau thời gian tìm hiểu, chị và anh Mai Văn D không tổ chức lễ cưới, chung sống vào năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P (Giấy kết hôn số 92 ngày 10/9/2020). Nguyên nhân mâu thuẫn: Đến đầu năm 2023, anh D có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập và chửi mắng chị, vợ chồng không có tiếng nói chung nên đã ly thân từ đó đến nay. Do tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung tên Mai Văn T, sinh ngày 18/9/2020 và Mai Văn T1, sinh ngày 29/10/2021, sau khi ly thân do chị M đang nuôi dưỡng, yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung (phải thu, phải trả) không có. Chị M có yêu cầu không tiến hành hoà giải nữa và vắng mặt khi xét xử.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án tiến hành xác minh được bà Nguyễn Thị V (mẹ ruột của chị M) cho biết: Vợ chồng M - D không còn chung sống khoảng hơn 01 năm nay nguyên nhân do D không có trách nhiệm với vợ con, cờ bạc và say sỉn, bạo lực đánh đập vợ. Con chung có 02 đứa tên Mai Văn T và Mai Văn T1 do M đang nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lý Thị M được ly hôn với anh Mai Văn D. Về con chung: Giao chị Lý Thị M trực tiếp nuôi 02 con chung tên Mai Văn T và Mai Văn T1 đến khi thành niên và tự lập được. Anh Mai Văn D không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Chia tài sản và nợ chung không có nên không xem xét. Chị Lý Thị M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện P nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố Tụng Dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Chị Lý Thị M và anh Mai Văn D có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc thường xảy ra cự cãi, anh D không có trách nhiệm với vợ con, bạo lực gia đình và không còn sống chung từ đầu năm 2023 đến nay. Tòa án đã triệu tập anh D để tham gia hòa giải, xét xử nhưng anh đều không đến, chị M cương quyết ly

hôn nên chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh D là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:* Vợ chồng có 02 con chung tên Mai Văn T, sinh ngày 18/9/2020 và Mai Văn T1, sinh ngày 29/10/2021 do chị M nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay. Để đảm bảo môi trường phát triển của con được ổn định, thuận lợi trong việc học tập, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, tiếp tục giao 02 con chung cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị M tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Minh xác Đ không có nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ghi nhận chị Minh xác Đ không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị M, anh D phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] *Về án phí sơ thẩm:* Chị M phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng. Anh D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị M.

1. Về hôn nhân: chị Lý Thị M được ly hôn với anh Mai Văn D.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Mai Văn T, sinh ngày 18/9/2020 và Mai Văn T1, sinh ngày 29/10/2021 do chị Lý Thị M đang nuôi dưỡng.

Giao chị Lý Thị M trực tiếp nuôi 02 con chung tên Mai Văn T và Mai Văn T1 đến khi thành niên và tự lập được. Anh Mai Văn D không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị M cùng các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị M có

quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh D.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Ghi nhận chị Minh xác Đ không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị M, anh D phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lý Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0011561 ngày 01/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh Mai Văn D không phải chịu án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú Hưng, huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhung